

QUY CHẾ VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG AN BÌNH

MỤC I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về cơ cấu tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị Ngân hàng Thương mại cổ phần An Bình (gọi tắt là Ngân hàng).

Điều 2. Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị là cơ quan quản trị Ngân hàng, có toàn quyền nhân danh Ngân hàng để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Hội đồng Quản trị sử dụng con dấu của Ngân hàng để thực hiện nhiệm vụ của mình.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động

1. Hội đồng Quản trị tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định của Ngân hàng. Trong trường hợp quyết định do Hội đồng Quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Ngân hàng gây thiệt hại cho Ngân hàng thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Ngân hàng; Thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trong trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của Ngân hàng liên tục trong thời hạn ít nhất 01 (một) năm có quyền yêu cầu Hội đồng Quản trị đình chỉ thực hiện quyết định nói trên.
2. Hội đồng Quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Ngân hàng quy định. Mỗi thành viên Hội đồng Quản trị có 01 (một) phiếu biểu quyết.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

1. *Người điều hành ngân hàng* bao gồm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, và các chức danh điều hành khác do Điều lệ Ngân hàng quy định.
2. *Người quản lý ngân hàng* bao gồm Chủ tịch và Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và các chức danh quản lý khác do Điều lệ Ngân hàng quy định.
3. *Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập* là thành viên Hội đồng Quản trị đảm bảo các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định pháp luật.
4. *Người có liên quan* là tổ chức, cá nhân có quan hệ với 01(một) tổ chức, cá nhân khác nếu thuộc 01(một) trong các trường hợp sau:
 - a. Công ty mẹ với Công ty con và ngược lại; Ngân hàng với Công ty trực thuộc của Ngân hàng và ngược lại; các Công ty có cùng Công ty mẹ với nhau; các Công ty trực thuộc của cùng Ngân hàng với nhau;

- b. Công ty đối với Người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát của Công ty đó hoặc người, tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người đó và ngược lại;
 - c. Công ty đối với cá nhân sở hữu từ 10% (mười phần trăm) vốn điều lệ trở lên tại Công ty đó và ngược lại;
 - d. Những người có quan hệ thân thuộc với nhau, gồm: vợ, chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột;
 - e. Công ty đối với người có quan hệ thân thuộc (theo quy định tại Điểm d khoản này) của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, thành viên góp vốn hoặc cổ đông sở hữu từ 10% (mười phần trăm) vốn điều lệ trở lên của công ty đó và ngược lại;
 - f. Cá nhân được ủy quyền đại diện cho những người quy định tại điểm a, b, c, d, e khoản này đối với người được ủy quyền.
5. Công ty trực thuộc của Ngân hàng là doanh nghiệp có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập bằng vốn tự có mà Ngân hàng:
 - a. Sở hữu trên 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông đã phát hành của Công ty đó; hoặc
 - b. Có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của Công ty đó; hoặc
 - c. Có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung điều lệ của Công ty đó.
 6. Nghị định 59 là Nghị định số 59/2009/NĐ-CP ngày 16/07/2009 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Thương mại.
 7. NHNN: là Ngân Hàng Nhà nước Việt Nam

MỤC II CƠ CẤU TỔ CHỨC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 5. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị bao gồm ít nhất là 03 (ba) thành viên và nhiều nhất 11 (mười một) thành viên, số lượng cụ thể do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Tối thiểu 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị phải là người không điều hành và thành viên độc lập, trong đó có tối thiểu 02 (hai) thành viên độc lập. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có thể là thành viên độc lập.
2. Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người là người đại diện vốn góp của một tổ chức không được chiếm quá 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên của Hội đồng Quản trị.
3. Số thành viên Hội đồng quản trị chưa có bằng Đại học không vượt quá 1/4 (một phần tư) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị.
4. Trường hợp số thành viên Hội đồng Quản trị bị giảm quá 1/3 (một phần ba) theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật thì trong thời hạn không quá 60 (sáu mươi) ngày, kể từ ngày không đủ số lượng theo quy định, Ngân hàng phải tiến hành bổ sung đủ số lượng thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định.

Điều 6. Nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị

1. Nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị là 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị không quá 05 (năm) năm. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể được bầu hoặc bổ nhiệm

lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của Thành viên Hội đồng Quản trị được bổ sung hoặc thay thế Thành viên Hội đồng Quản trị bị đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng Quản trị của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.

2. Hội đồng quản trị sử dụng con dấu của ngân hàng để thực hiện nhiệm vụ của mình.
3. Giúp việc cho Hội đồng quản trị có Thư ký Hội đồng Quản trị. Chức năng, nhiệm vụ của Thư ký Hội đồng Quản trị do Hội đồng Quản trị quy định.
4. Hội đồng Quản trị phải thành lập các Ủy ban để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, trong đó tối thiểu phải có 02 (hai) Ủy ban là: Ủy ban về vấn đề quản lý rủi ro và Ủy ban về vấn đề nhân sự.

Điều 7. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ

Những người sau đây không được là Thành viên Hội đồng Quản trị:

1. Người chưa thành niên, người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự.
2. Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang có án tích.
3. Người đã từng bị kết án về các tội xâm phạm an ninh quốc gia, các tội xâm phạm sở hữu; người đã từng bị kết án về các tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên.
4. Cán bộ, công chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức; cán bộ lãnh đạo, quản lý nghiệp vụ trong các doanh nghiệp 100% (một trăm phần trăm) vốn sở hữu Nhà nước, trừ những người được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp nhà nước tại doanh nghiệp khác.
5. Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam, sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam.
6. Người đã từng là chủ Doanh nghiệp Tư nhân, thành viên hợp danh của Công ty hợp danh, Giám đốc (Tổng Giám Đốc), Chủ tịch và các Thành viên Hội đồng Quản trị, Hội đồng thành viên, Ban Kiểm soát của Doanh nghiệp, Chủ nhiệm và các thành viên Ban Quản trị Hợp Tác Xã tại thời điểm doanh nghiệp, Hợp Tác Xã bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp Doanh nghiệp, Hợp Tác Xã bị tuyên bố phá sản vì lý do bất khả kháng.
7. Người đại diện theo pháp luật của Doanh nghiệp tại thời điểm Doanh nghiệp bị đình chỉ hoạt động, bị buộc giải thể do vi phạm pháp luật nghiêm trọng, trừ trường hợp là đại diện theo đề nghị của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nhằm chấn chỉnh, củng cố Doanh nghiệp đó.
8. Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Thành viên Hội đồng Quản trị, Trưởng Ban Kiểm Soát, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám Đốc của Ngân hàng theo quy định tại Điều 25 Nghị định 59 hoặc bị cơ quan quản lý Nhà nước, cơ quan pháp luật xác định người đó có sai phạm dẫn đến việc Ngân hàng bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động.
9. Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng.

Điều 8. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ

Thành viên Hội đồng Quản trị của Ngân hàng:

1. Không được đồng thời là thành viên Ban Kiểm soát của Ngân hàng.
2. Không được đồng thời là người quản lý của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp được sự đồng ý của Hội đồng Quản trị Ngân hàng hoặc tổ chức đó là Công ty trực thuộc của Ngân hàng.
3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Ngân hàng không được đồng thời là người điều hành của Ngân hàng; không được đồng thời là Thành viên Hội đồng Quản trị, người điều hành tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức đó là Công ty trực thuộc của Ngân hàng.

Điều 9. Tiêu chuẩn và điều kiện để được bầu, bổ nhiệm đối với thành viên Hội đồng Quản trị

1. Không thuộc đối tượng quy định tại Điều 7 Quy chế này.
2. Có đạo đức nghề nghiệp trên cơ sở tuân thủ quy định về công khai lợi ích và nghĩa vụ thành viên Hội đồng Quản trị tại Điều lệ Ngân hàng.
3. Hiểu biết về hoạt động Ngân hàng:
 - Có bằng đại học hoặc trên đại học về ngành Kinh tế hoặc Luật; hoặc
 - Có ít nhất 03 (ba) năm làm người quản lý Doanh nghiệp hoạt động trong ngành Tài chính Ngân hàng, Bảo hiểm, Chứng khoán, Kế toán, Kiểm toán; hoặc
 - Là cổ đông cá nhân sở hữu ít nhất 5% (năm phần trăm) tổng số vốn cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết của Ngân hàng và có chứng chỉ xác nhận qua chương trình đào tạo về Ngân hàng của cơ quan có thẩm quyền hoặc có ít nhất 01 (một) năm làm việc trong ngành Ngân hàng.
4. Đối với Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập: ngoài những tiêu chuẩn nêu tại các Khoản 1, 2, và 3 điều này, phải đảm bảo yêu cầu về tiêu chuẩn và tính độc lập theo quy định tại Điều 10 Quy chế này.

Điều 10. Tiêu chuẩn, điều kiện về tính độc lập của thành viên Hội đồng Quản trị độc lập

1. Không phải là người đang làm việc cho Ngân hàng hoặc Công ty trực thuộc của Ngân hàng hoặc đã làm việc cho Ngân hàng hoặc Công ty trực thuộc của Ngân hàng bất kỳ thời gian nào trong 3 (ba) năm liền kề trước đó.
2. Không phải là người đang hưởng lương và thù lao, phụ cấp khác của Ngân hàng ngoài những khoản được hưởng theo tiêu chuẩn Thành viên Hội đồng Quản trị.
3. Vợ, chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của người đó không thuộc một trong các trường hợp sau: sở hữu từ 5% (năm phần trăm) vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên đối với Ngân hàng; là người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát của Ngân hàng hoặc Công ty trực thuộc của Ngân hàng vào thời điểm hiện tại hoặc bất kỳ thời gian nào trong 03 (ba) năm liền kề trước đó.
4. Không phải là người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát của Ngân hàng tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 (năm) năm liền kề trước đó; không trực tiếp hoặc đại diện sở hữu từ 1% (một phần trăm) vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên đối với Ngân hàng.
5. Không cùng người có liên quan theo quy định tại Khoản 11 Điều 5 Nghị định 59 sở hữu từ 5% (năm phần trăm) vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng.

Điều 11. Đương nhiên mất tư cách

1. Các trường hợp đương nhiên mất tư cách Thành viên Hội đồng Quản trị:
 - a. Mất năng lực hành vi dân sự hoặc chết;
 - b. Vi phạm quy định tại Điều 7 Quy chế này;
 - c. Tư cách pháp nhân của cổ đông là tổ chức (mà người đó là đại diện vốn góp) chấm dứt;
 - d. Tư cách làm người đại diện theo ủy quyền chấm dứt;
 - e. Bị tòa án quyết định trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
 - f. Ngân hàng bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động;
 - g. Quyết định của Thống đốc Ngân Hàng Nhà nước chuẩn y các chức danh của nhiệm kỳ mới có hiệu lực.
2. Chủ tịch và Thành viên Hội đồng Quản trị sau khi bị xác định mất tư cách đương nhiên vẫn phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định trái với quy định của pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng hoặc các quyết định cố ý làm sai của mình trong thời gian đương nhiệm.
3. Chức danh được Thống đốc Ngân hàng nhà nước chuẩn y trước đây của những người bị mất tư cách đương nhiên quy định tại Khoản 1 Điều này đương nhiên hết hiệu lực.

Điều 12. Bãi nhiệm, miễn nhiệm

1. Chủ tịch và Thành viên Hội đồng Quản trị bị xem xét bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Năng lực hành vi dân sự bị hạn chế;
 - b. Có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức);
 - c. Không đảm bảo yêu cầu về tính độc lập đối với Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập;
 - d. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng Quản trị trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - e. Bị cơ quan quản lý nhà nước xác định là vi phạm nghiêm trọng trong các quy định tại Điều 14, Điều 15 Quy chế này.
 - f. Khi cơ quan có thẩm quyền bầu, bổ nhiệm xét thấy cần thiết;
 - g. Không đảm bảo số cổ phần sở hữu tối thiểu quy định tại Điều 39 Điều lệ Ngân hàng.
 - h. Vi phạm quy định của pháp luật, của NHNN và Điều lệ ngân hàng về mua bán và chuyển nhượng cổ phần.
 - i. Vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật, của NHNN và Điều lệ ngân hàng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
2. Chủ tịch và thành viên Hội đồng Quản trị của Ngân hàng sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm vẫn phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định trái với quy định của pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng hoặc các quyết định cố ý làm sai của mình trong thời gian đương nhiệm.
3. Chức danh đã được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chuẩn y đương nhiên hết hiệu lực khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền của Ngân hàng.
4. Đối với các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị có thể tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc trình Đại hội đồng cổ đông gần nhất quyết định.
5. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các đối tượng theo quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng Quản trị có văn

bản thông báo kèm tài liệu chứng minh cụ thể gửi Ngân hàng Nhà nước; đồng thời thực hiện các thủ tục đề bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo các quy định của pháp luật.

Điều 13. Thay thế thành viên Hội đồng Quản trị

1. Trong thời hạn tối đa 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày Chủ tịch Hội đồng Quản trị bị đương nhiên mất tư cách theo quy định tại Điều 11 Quy chế này, các thành viên Hội đồng Quản trị có trách nhiệm tổ chức họp Hội đồng Quản trị để bầu 01 (một) thành viên làm Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị muốn từ chức phải có đơn gửi đến Hội đồng Quản trị. Trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày nhận đơn. Trong thời hạn tối đa 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày nhận đơn xin từ chức của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Hội đồng Quản trị phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm và bầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị thay thế.
3. Thành viên Hội đồng Quản trị muốn từ chức phải có đơn hoặc văn bản gửi Hội đồng Quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông gần nhất quyết định.
4. Trường hợp bị giảm quá 1/3 (một phần ba) số thành viên Hội đồng Quản trị thì trong thời hạn không quá 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày không đủ số lượng thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định, Hội đồng Quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị.
5. Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên Hội đồng Quản trị mới để thay thế cho thành viên Hội đồng Quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, hoặc bổ sung những thành viên còn thiếu.
6. Những người được bầu giữ chức Chủ tịch và thành viên Hội đồng Quản trị có trách nhiệm tiếp nhận và đảm nhiệm ngay công việc của chức danh được bầu. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng Quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm có trách nhiệm bàn giao công việc cho Chủ tịch và các thành viên Hội đồng Quản trị mới được bầu xử lý, đồng thời phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian có tư cách đảm nhiệm chức danh đó.
7. Sau khi Ngân hàng An Bình bầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị mới theo quy định tại Điều này, Hội đồng Quản trị có văn bản đề nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước (qua Cơ quan Thanh tra, giám sát) chuẩn y chức danh này, kèm theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị về việc bầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Điều 14. Đình chỉ, tạm đình chỉ.

1. Trường hợp Ngân hàng An Bình bị đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt, Ban Kiểm soát đặc biệt do Ngân hàng Nhà nước thành lập có quyền đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch và các thành viên Hội đồng Quản trị.
2. Trường hợp Chủ tịch và các thành viên Hội đồng Quản trị Ngân hàng An Bình vi phạm quy định tại Điều 8 Quy chế này, vi phạm quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng An Bình trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao, Ngân hàng Nhà nước có quyền đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi nhiệm vụ, quyền hạn của những đối tượng vi phạm này nếu xét thấy cần thiết.
3. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng Quản trị của Ngân hàng An Bình có thể bị đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi nhiệm vụ, quyền hạn theo quyết định của cơ quan bảo vệ pháp luật.

4. Người bị đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều này phải có trách nhiệm tham gia xử lý các tồn tại và sai phạm có liên quan đến trách nhiệm cá nhân khi có yêu cầu của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát của Ngân hàng An Bình hoặc Ban Kiểm soát đặc biệt hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 15. Công khai các lợi ích có liên quan

Việc công khai các lợi ích có liên quan thực hiện theo quy định tại Điều 118 Luật Doanh nghiệp.

Điều 16. Nghĩa vụ của thành viên Hội đồng Quản trị

1. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Ngân hàng, quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc chủ sở hữu hoặc thành viên góp vốn của Ngân hàng.
2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất vì lợi ích của Ngân hàng.
3. Trung thành với lợi ích của Ngân hàng; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Ngân hàng, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Ngân hàng để thu lợi cá nhân hoặc để phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác hoặc làm tổn hại tới lợi ích của Ngân hàng.
4. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Ngân hàng về quyền lợi có thể gây xung đột mà họ có được ở các tổ chức kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác và chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi Hội đồng quản trị đã xem xét và chấp thuận.
5. Không được cạnh tranh bất hợp pháp với Ngân hàng hoặc tạo điều kiện cho bên thứ ba gây tổn hại lợi ích của Ngân hàng.
6. Không được tạo điều kiện để cá nhân mình hoặc người có liên quan của mình quy định tại điểm t, khoản 1, Điều 1 Điều lệ Ngân hàng vay vốn Ngân hàng với những điều kiện ưu đãi, thuận lợi hơn so với quy định chung của pháp luật và của Ngân hàng.
7. Không được tăng lương, thù lao, trả thưởng khi Ngân hàng bị lỗ.
8. Các hợp đồng giao dịch (không thuộc phạm vi, đối tượng điều chỉnh cấm hoặc hạn chế theo quy định của Luật Các Tổ Chức Tín Dụng, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các Tổ chức tín dụng và văn bản hướng dẫn dưới các luật này) của Ngân hàng An Bình với thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám Đốc, thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông sở hữu mức cổ phần trọng yếu và người có liên quan của họ, chỉ được ký kết, nếu đảm bảo thực hiện đúng theo quy định sau đây:
 - a. Đối với hợp đồng, giao dịch có giá trị lớn hơn 20% (hai mươi phần trăm) vốn tự có của Ngân hàng An Bình (theo quy định của NHNN) thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận trước khi ký. Cổ đông là bên ký hợp đồng hoặc cổ đông có liên quan với bên ký hợp đồng, không được phép tham gia biểu quyết. Hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện ít nhất 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý.
 - b. Đối với hợp đồng, giao dịch có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% (hai mươi phần trăm) vốn tự có của Ngân hàng An Bình (theo quy định của NHNN) thì phải được Hội đồng Quản trị chấp thuận trước khi ký. Thành viên Hội đồng Quản trị là bên ký hợp đồng hoặc có liên quan với bên ký hợp đồng, không được phép tham gia biểu quyết.

9. Trường hợp, hợp đồng được ký kết mà chưa được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị chấp thuận theo qui định tại khoản 8 Điều này thì hợp đồng đó vô hiệu và được xử lý theo qui định của Pháp luật. Những người gây thiệt hại cho Ngân hàng An Bình phải có trách nhiệm bồi thường.
10. Thành viên Hội đồng Quản trị không được mua hoặc bán hoặc giao dịch cổ phiếu của Ngân hàng An Bình hay của các công ty trực thuộc khi họ có quyền chiếm hữu thông tin có thể ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu này trong khi các cổ đông khác không có những thông tin đó.

Điều 16. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Tiền lương, thù lao và các lợi ích khác của các thành viên Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng Cổ đông xem xét, quyết định trên cơ sở phù hợp với quy định tại Điều 117 và Điều 125 Luật Doanh nghiệp với các nội dung như sau:

1. Ngân hàng có quyền trả thù lao, tiền lương cho thành viên Hội đồng Quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Nếu Điều lệ không có quy định khác thì:
 - Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên;
 - Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao;
3. Thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị và được tính vào chi phí kinh doanh của Ngân hàng theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Ngân hàng, phải báo cáo Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 17. Cơ cấu tổ chức của các Ủy ban của Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị phải thành lập tối thiểu 02 (hai) Ủy ban theo quy định tại khoản 9 Điều 16 Nghị định số 59, gồm Ủy ban về vấn đề quản lý rủi ro và Ủy ban về vấn đề nhân sự.
2. Mỗi Ủy ban phải có tối thiểu ba thành viên, gồm Chủ nhiệm và các thành viên của Ủy ban. Một thành viên Hội đồng quản trị có thể là thành viên của một hoặc một số Ủy ban. Đối với các ngân hàng đã có thành viên Hội đồng quản trị độc lập, Ủy ban về vấn đề quản lý rủi ro phải có tối thiểu một thành viên Hội đồng quản trị độc lập.
3. Chủ nhiệm các Ủy ban phải là thành viên Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Chủ nhiệm và các thành viên của Ủy ban theo quy định nội bộ của ngân hàng.
4. Căn cứ chức năng và nhiệm vụ được giao, Ủy ban có thể bao gồm một hoặc một số thành viên không phải là thành viên Hội đồng quản trị (như chuyên gia tư vấn độc lập, cán bộ tại các bộ phận chuyên môn của ngân hàng hoặc các trường hợp khác do Hội đồng quản trị quyết định).
5. Hội đồng quản trị phải ban hành quy định nội bộ về cơ chế làm việc và chức năng, nhiệm vụ của các Ủy ban nêu tại Điều 18, Điều 20 Quy chế này. Trong thời hạn năm (05) ngày làm

việc sau khi ban hành, Hội đồng quản trị gửi các quy định nội bộ này tới Ngân hàng Nhà nước chi nhánh và Ngân hàng Nhà nước (qua Cơ quan Thanh tra, giám sát) để báo cáo.

Điều 18. Cơ chế làm việc của các Ủy ban của Hội đồng quản trị

1. Các Ủy ban là cơ quan giúp việc cho Hội đồng quản trị, có vai trò tham mưu cho Hội đồng Quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Quản trị và thực hiện một số nhiệm vụ do Hội đồng Quản trị phân công (nếu có).
2. Hội đồng Quản trị quy định cụ thể cơ chế làm việc của các Ủy ban, tối thiểu gồm các vấn đề sau đây:
 - Các kỳ họp định kỳ của Ủy ban;
 - Việc họp bất thường của Ủy ban;
 - Việc đưa ra quyết định của Ủy ban;
 - Cơ chế phán quyết của Hội đồng quản trị đối với các ý kiến đề xuất của Ủy ban.

MỤC III HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 19. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Quản trị

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội đồng Cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
2. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Ngân hàng.
3. Quyết định cơ cấu tổ chức của trụ sở chính, bộ phận Kiểm toán Nội bộ, Sở Giao Dịch, Chi Nhánh, Công ty trực thuộc, Văn phòng đại diện, Đơn vị sự nghiệp.
4. Quyết định việc mở Sở Giao Dịch, Chi Nhánh, Văn Phòng đại diện, thành lập đơn vị sự nghiệp.
5. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh: Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc, Kế Toán Trưởng, bộ máy giúp việc Hội đồng Quản trị, các chức danh thuộc bộ phận Kiểm Toán Nội Bộ, Giám đốc Sở Giao Dịch, Chi Nhánh, Công Ty trực thuộc, đơn vị sự nghiệp, Trưởng văn phòng đại diện và các chức danh khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị trên cơ sở quy định nội bộ do Hội đồng Quản trị ban hành; giải quyết các khiếu nại của Ngân hàng với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Ngân hàng để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý đó
6. Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác.
7. Cử người đại diện vốn góp của Ngân hàng tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác.
8. Quyết định các khoản cho vay, bảo lãnh có giá trị lớn hơn 10% (mười phần trăm) vốn tự có của Ngân hàng trên cơ sở đảm bảo các quy định về an toàn trong hoạt động ngân hàng, trừ các giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Điều 1, khoản 1, điều 31 Điều lệ Ngân hàng.

9. Quyết định các hợp đồng giao dịch của Ngân hàng không thuộc phạm vi, đối tượng điều chỉnh cấm hoặc hạn chế theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các Tổ chức tín dụng và văn bản hướng dẫn dưới các Luật này với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám Đốc, cổ đông sở hữu mức cổ phần trọng yếu và người có liên quan của họ có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% (hai mươi phần trăm) vốn tự có của Ngân hàng. Trong trường hợp này, thành viên có liên quan không có quyền biểu quyết.
10. Quyết định chọn tổ chức kiểm toán độc lập.
11. Chịu trách nhiệm về các vấn đề có liên quan đến bộ phận Kiểm Toán Nội Bộ, hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.
12. Kiểm tra giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc trong việc thực hiện nhiệm vụ được phân công; đánh giá hàng năm về hiệu quả làm việc của Tổng Giám Đốc. Hội đồng Quản trị phải báo cáo Đại hội đồng Cổ đông về việc giám sát Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong năm tài chính.
13. Ban hành các quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của Ngân hàng phù hợp với các quy định của pháp luật, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát hoặc của Đại hội đồng Cổ đông.
14. Quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của Ngân hàng.
15. Xem xét, phê duyệt và công bố báo cáo thường niên và báo cáo tài chính của Ngân hàng theo quy định của pháp luật.
16. Lựa chọn tổ chức định giá chuyên nghiệp để định giá tài sản không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng theo quy định của pháp luật.
17. Trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận hoặc chuẩn y các vấn đề theo quy định của pháp luật.
18. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Ngân hàng.
19. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.
20. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu chuyển đổi của Ngân hàng.
21. Quyết định mua lại cổ phần của Ngân hàng theo quy định pháp luật.
22. Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng Cổ đông.
23. Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.
24. Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan để trình Đại hội đồng Cổ đông quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông, trừ những nội dung thuộc chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát.
25. Duyệt chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng Cổ đông; triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định.
26. Tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc của Hội đồng Quản trị.
27. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ Ngân hàng

Điều 20. Nhiệm vụ, chức năng của các Ủy ban của Hội đồng Quản trị:

1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm ban hành quy định nội bộ về nhiệm vụ, chức năng của các Ủy ban. Quy định này tối thiểu bao gồm các nội dung: việc thành lập, chức năng, nhiệm vụ, số lượng thành viên cụ thể của từng Ủy ban, trách nhiệm của từng thành viên trong Ủy ban. Chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban về vấn đề quản lý rủi ro và Ủy ban về vấn đề nhân sự bao gồm tối thiểu những nội dung nêu tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.
2. Chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban về vấn đề quản lý rủi ro:
 - a. Tham mưu cho Hội đồng Quản trị trong việc ban hành các quy trình, chính sách thuộc thẩm quyền của mình liên quan đến quản trị rủi ro trong hoạt động Ngân hàng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.
 - b. Phân tích, đưa ra những cảnh báo về mức độ an toàn của Ngân hàng trước những nguy cơ, tiềm ẩn rủi ro có thể ảnh hưởng và biện pháp phòng ngừa đối với các rủi ro này trong ngắn hạn cũng như dài hạn.
 - c. Xem xét, đánh giá tính phù hợp và hiệu quả của các quy trình, chính sách quản trị rủi ro hiện hành của Ngân hàng để đưa các khuyến nghị, đề xuất đối với Hội đồng Quản trị về những yêu cầu cần thay đổi quy trình, chính sách hiện hành, chiến lược hoạt động.
 - d. Tham mưu cho Hội đồng Quản trị trong việc quyết định phê duyệt các khoản đầu tư, các giao dịch có liên quan, chính sách quản trị và phương án xử lý rủi ro trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ do Hội đồng Quản trị giao.
3. Chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban về vấn đề nhân sự:
 - a. Tham mưu cho Hội đồng Quản trị về quy mô và cơ cấu Hội đồng Quản trị, Người điều hành phù hợp với quy mô hoạt động và chiến lược phát triển của Ngân hàng.
 - b. Tham mưu cho Hội đồng Quản trị xử lý các vấn đề về nhân sự phát sinh trong quá trình tiến hành các thủ tục bầu, bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm các chức danh thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát và Người điều hành Ngân hàng theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.
 - c. Nghiên cứu, tham mưu cho Hội đồng Quản trị trong việc ban hành các quy định nội bộ của Ngân hàng thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị về chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng, quy chế tuyển chọn nhân sự, đào tạo và các chính sách đãi ngộ khác đối với Người điều hành, các cán bộ, nhân viên của Ngân hàng.

Điều 21. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng Quản trị

1. Thay mặt Hội đồng Quản trị triệu tập và chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông
2. Triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị.
3. Chuẩn bị nội dung, chương trình và điều khiển các phiên họp để thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Quản trị.
4. Tổ chức thông qua quyết định của Hội đồng Quản trị dưới hình thức khác.
5. Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định Hội đồng Quản trị.
6. Ký các văn bản xử lý công việc thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Quản trị.
7. Ký văn bản ủy quyền cho một số thành viên Hội đồng Quản trị đảm nhiệm công việc của mình trong thời gian vắng mặt.

8. Đảm bảo các thành viên Hội đồng Quản trị nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Hội đồng quản trị phải xem xét.
9. Lập chương trình và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng Quản trị. Nội dung phân công nhiệm vụ cụ thể thành viên phải được thể hiện dưới dạng văn bản và có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
10. Giám sát các thành viên Hội đồng Quản trị trong việc thực hiện các công việc được phân công và các nhiệm vụ, quyền hạn chung.
11. Đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên tối thiểu mỗi năm 01 (một) lần và báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả đánh giá này.
12. Đảm bảo việc Hội đồng Quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Ngân hàng, báo cáo kiểm toán và báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.
13. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 22. Nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên Hội đồng Quản trị

1. Cùng với các thành viên khác của Hội đồng Quản trị quản trị Ngân hàng theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng.
2. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của 01(một) thành viên Hội đồng Quản trị theo đúng quy chế nội bộ của Hội đồng Quản trị và sự phân công của Chủ tịch Hội đồng Quản trị một cách trung thực vì lợi ích của Ngân hàng.
3. Nghiên cứu báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu Người quản trị, điều hành Ngân hàng, Kiểm toán viên độc lập và Kiểm toán viên nội bộ giải trình các vấn đề có liên quan đến báo cáo.
4. Nghiên cứu, đánh giá tình hình, kết quả hoạt động và đóng góp vào việc xây dựng phương hướng, kế hoạch hoạt động kinh doanh của Ngân hàng trong từng thời kỳ.
5. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
6. Yêu cầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập cuộc họp Hội đồng Quản trị bất thường theo quy định của pháp luật và Ngân hàng An Bình
7. Yêu cầu triệu tập cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường theo quy định của pháp luật và Ngân hàng An Bình
8. Tham dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị; thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nội dung cuộc họp, trừ trường hợp không được biểu quyết vì vấn đề xung đột lợi ích; chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông và trước Hội đồng Quản trị về những ý kiến của mình.
9. Thực hiện các quyết định Đại hội đồng Cổ đông và của Hội đồng Quản trị.
10. Có trách nhiệm giải trình trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi được yêu cầu.
11. Có quyền đề nghị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
12. Chấp hành các quy định của pháp luật và điều lệ Ngân hàng về việc chuyển nhượng cổ phần.
13. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng

Điều 23. Họp Hội đồng Quản trị

1. Cuộc họp thường kỳ: Hội đồng Quản trị họp định kỳ ít nhất mỗi quý một lần (1lần/quý) và có thể được triệu tập họp bất thường để giải quyết những công việc đột xuất.
 - Trường hợp Hội đồng Quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng Quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành

- trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập.
- Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số: 01(một) người trong số những người có phiếu cao nhất được chọn để là người triệu tập họp Hội đồng Quản trị.
2. Cuộc họp bất thường: Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Có đề nghị của Ban kiểm soát;
 - b. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) người quản lý khác;
 - c. Có đề nghị của ít nhất 02 (hai) thành viên Hội đồng Quản trị;
 - d. Các trường hợp khác do Điều lệ Ngân hàng quy định.Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị.
 3. Chủ tịch hoặc thành viên Hội đồng Quản trị được Chủ tịch ủy quyền phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được một trong các đề nghị quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người được ủy quyền không triệu tập họp Hội đồng Quản trị theo đề nghị thì phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Ngân hàng, trừ trường hợp không triệu tập họp được vì lý do bất khả kháng. Trong trường hợp này người đề nghị họp Hội đồng quản trị có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị dự họp bỏ phiếu bầu chủ tọa cuộc họp.
 4. Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng Quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 05 (năm) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng Quản trị được đăng ký tại Ngân hàng.
 5. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc như đối với thành viên Hội đồng Quản trị.

Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị, có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
 6. Cuộc họp Hội đồng Quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp không trực tiếp dự họp, thành viên Hội đồng Quản trị có quyền ủy quyền biểu quyết cho 01 (một) thành viên Hội đồng Quản trị khác hoặc gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản. Trường hợp biểu quyết bằng văn bản, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến chủ tọa cuộc họp Hội đồng Quản trị chậm nhất 01(một) giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những thành viên trực tiếp dự họp.
 7. Thành viên Hội đồng Quản trị được ủy quyền cho người khác không phải là thành viên Hội đồng Quản trị dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng Quản trị chấp thuận. Trong trường hợp này, người được ủy quyền dự họp không được biểu quyết.

8. Quyết định của Hội đồng Quản trị được thông qua nếu được đa số phiếu tán thành bao gồm cả Phiếu biểu quyết bằng văn bản và biểu quyết theo ủy quyền; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của người chủ tọa cuộc họp.
9. Địa điểm họp: Các cuộc họp Hội đồng Quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Ngân hàng hoặc những địa điểm khác được Hội đồng Quản trị quy định.
10. Tuyên bố quyền lợi: Thành viên Hội đồng Quản trị nếu theo sự hiểu biết của mình thấy có liên quan dù là trực tiếp hay gián tiếp tới 01 (một) hợp đồng, 01(một) thỏa thuận hay 01(một) hợp đồng dự kiến, 01(một) thỏa thuận dự kiến giao kết với Ngân hàng phải khai báo bản chất quyền lợi liên quan tới cuộc họp Hội đồng Quản trị, tại đây Hội đồng Quản trị sẽ xem xét việc có giao kết các hợp đồng hoặc thỏa thuận đó không, nếu như sau này mới biết sự tồn tại quyền lợi đó của mình hay trong bất cứ trường hợp nào khác, thành viên đó phải thông báo tại cuộc họp Hội đồng Quản trị gần nhất sau khi thành viên đó biết được đã có quyền lợi liên quan.
11. Trường hợp Hội đồng Quản trị lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định về 01 (một) vấn đề thì quyết định được coi là có giá trị tương đương với 01 (một) quyết định được thông qua bởi các thành viên Hội đồng Quản trị tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường, nếu:
 - a. Được sự nhất trí bằng văn bản của đa số các thành viên Hội đồng Quản trị có quyền tham gia biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến;
 - b. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị có quyền tham gia biểu quyết bằng văn bản phải đáp ứng được điều kiện về số lượng thành viên bắt buộc phải có để tiến hành họp Hội đồng Quản trị.
12. Những người được mời dự họp Hội đồng Quản trị: Các thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và có thể có các cán bộ quản lý, chuyên gia khác, nhưng không được tham gia biểu quyết.
13. Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác: Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên Hội đồng Quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
 - a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
 - b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên Hội đồng Quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “Có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng Quản trị đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng Quản trị tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả các thành viên Hội đồng Quản trị tham dự cuộc họp này .

14. Các hành động thực thi quyết định của Hội đồng Quản trị, hoặc của tiểu ban/ủy ban/Hội đồng trực thuộc Hội đồng Quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban/ủy ban/ hội đồng trực thuộc Hội đồng Quản trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban/ủy ban/hội đồng hoặc Hội đồng Quản trị có thể có sai sót.

Điều 24. Biên bản họp Hội đồng Quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi vào sổ biên bản. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể cả bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
 - b. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - c. Thời gian, địa điểm họp;
 - d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được uỷ quyền dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - e. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h. Các quyết định đã được thông qua;
 - i. Họ, tên, chữ ký của tất cả thành viên hoặc đại diện theo uỷ quyền dự họp.
 - j. Chủ tọa và thư ký phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng Quản trị.
2. Biên bản họp Hội đồng Quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng
3. Trường hợp thành viên trực tiếp dự họp không ký vào biên bản thì phải ghi rõ lý do; nếu không ghi rõ lý do thì biểu quyết của thành viên đó đối với những nội dung tại cuộc họp coi như không có giá trị.
4. Biên bản cuộc họp Hội đồng Quản trị phải được lập bằng tiếng Việt và có thể bằng một thứ tiếng nước ngoài, và hai bản này có giá trị pháp lý ngang nhau. Trường hợp hai biên bản này có sự khác biệt về nội dung thì được giải thích theo biên bản được lập bằng tiếng Việt.
5. Biên bản họp Hội đồng Quản trị phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng Quản trị tham dự họp. Chủ tọa cuộc họp Hội đồng Quản trị có trách nhiệm bố trí lập và gửi Biên bản họp Hội đồng Quản trị cho các thành viên Hội đồng Quản trị và biên bản đó sẽ được coi là bằng chứng mang tính kết luận về công việc tiến hành tại cuộc họp, trừ trường hợp có những khiếu nại liên quan đến nội dung của biên bản họp Hội đồng Quản trị trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày gửi biên bản đó.

Điều 25. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản

1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị quyết định việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản.

2. Thư ký Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, các tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung xin ý kiến. Phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng Quản trị.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Ngân hàng;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên và địa chỉ liên lạc của thành viên Hội đồng Quản trị;
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến;
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm: tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - f. Thời hạn gửi phiếu trả lời về Ngân hàng;
 - g. Họ và tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của thành viên Hội đồng Quản trị và gửi về Ngân hàng theo quy định của Ngân hàng.
5. Thư ký Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự giám sát của tối thiểu 01(một) thành viên Hội đồng Quản trị độc lập. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Ngân hàng;
 - b. Mục đích và các vấn đề lấy ý kiến;
 - c. Tổng số phiếu biểu quyết gửi đi, tổng số phiếu biểu quyết thu về, số phiếu biểu quyết hợp lệ, số phiếu biểu quyết không hợp lệ. Biên bản phải có phụ lục danh sách thành viên Hội đồng Quản trị đã tham gia biểu quyết;
 - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề được xin ý kiến;
 - e. Họ, tên, chữ ký của người phụ trách kiểm phiếu, người giám sát.
6. Thư ký Hội đồng Quản trị tham gia vào việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
7. Biên bản kết quả kiểm phiếu kèm nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị thông qua dựa trên kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các thành viên Hội đồng Quản trị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.
8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng.
9. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Hội đồng Quản trị.

Điều 26. Thường trực Hội đồng Quản trị.

Hội đồng Quản trị bầu 01(một) hoặc một số thành viên HĐQT làm thường trực Hội đồng quản trị .

Giữa 02 (hai) kỳ họp Hội đồng Quản trị, những vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị sẽ được giao cho Thường trực Hội đồng Quản trị giải quyết. Thường trực Hội đồng Quản trị có trách nhiệm báo cáo lại tại cuộc họp Hội đồng Quản trị gần nhất.

Điều 27. Bộ máy giúp việc của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng Quản trị sẽ sử dụng bộ máy giúp việc và con dấu của Ngân hàng để thực hiện nhiệm vụ của mình, do Hội đồng Quản trị quyết định mô hình, cơ cấu, nhiệm vụ của bộ máy giúp việc và từng thành viên.
2. Việc thành lập các tiểu ban/ủy ban/hội đồng trực thuộc Hội đồng Quản trị thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 28. Các vấn đề khác liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm về các vấn đề có liên quan đến bộ phận kiểm toán nội bộ, hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ trong phạm vi quy định tại Quyết định số 36/2006/QĐ-NHNN ngày 01/8/2006 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành Quy chế kiểm tra, kiểm soát nội bộ của tổ chức tín dụng và Quyết định số 37/2006/QĐ-NHNN ngày 01/8/2006 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành Quy chế kiểm toán nội bộ của tổ chức tín dụng.
2. Trường hợp Ngân hàng chưa có thành viên Hội đồng Quản trị độc lập, khi Hội đồng quản trị lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản theo quy định tại Điều 25 Quy chế này, Thư ký Hội đồng Quản trị kèm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự giám sát của tối thiểu 01(một) thành viên Ban kiểm soát.
3. Đối với thành viên Hội đồng Quản trị đương nhiệm đã đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện là thành viên Hội đồng Quản trị độc lập theo quy định tại Điều 10 Quy chế này, có thể được bầu lại làm thành viên Hội đồng Quản trị độc lập của Ngân hàng. Một cá nhân chỉ được làm thành viên Hội đồng Quản trị độc lập không quá 02 (hai) nhiệm kỳ Hội đồng Quản trị của 01(một) Ngân hàng.
4. Hội đồng Quản trị Ngân hàng ban hành quy định nội bộ của Hội đồng Quản trị và các quy định nội bộ có liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của Ngân hàng trong phạm vi thẩm quyền của Hội đồng Quản trị phù hợp với các quy định của pháp luật và Nghị định số 59.

MỤC IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 29. Hiệu lực thi hành

Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký.

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch
Vũ Văn Tiền